

Bản án số: 33/2022/HS-PT
Ngày: 24-02-2022

**NHÂN DA1
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bình
Bà Phạm Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Quốc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2022/TLPT-HS ngày 27 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo Lê Văn R (Đ) do có kháng cáo của bị cáo Lê Văn R đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 81/2021/HS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng B, tỉnh Tây Nh.

Bị cáo có kháng cáo: Lê Văn R (Đ), sinh năm 1995, tại tỉnh Tây Nh; nơi cư trú: ấp Phước H, xã Phước C, thị xã Trảng B, tỉnh Tây Nh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa (học vấn): 1/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị G (chết); chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại có mặt.

- Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị: không.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: A1 Lê Văn L, sinh năm 1992; cư trú tại: ấp Phước H, xã Phước C, thị xã Trảng B, tỉnh Tây Nh; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Hồ Thị B, sinh năm 1993; cư trú tại: ấp Thạnh H 1, xã Trung H, huyện Cờ D, thành phố Cần T; vắng mặt.

2. Chị Hồ Thị Quỳnh A1, sinh năm 2001; cư trú tại: ấp Thạnh H, xã Trung H, huyện Cờ D, thành phố Cần T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 18-3-2021, tại khu vực ấp Phước H, xã Phước C, thị xã Trảng B, tỉnh Tây Nh, Đồn Biên phòng Phước C thuộc Bộ C huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Nh phối hợp với Công an thị xã Trảng B tiến hành kiểm tra, phát hiện Lê Văn R có hành vi tổ chức cho Hồ Thị B và Hồ Thị Quỳnh A1 xuất cảnh trái phép sang Campuchia nên tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính và đưa các đối tượng về Đồn Biên phòng Phước C làm việc. Quá trình giải quyết vụ việc xét thấy có dấu hiệu tội phạm nên Đồn Biên phòng Phước C đã ra Quyết định khởi tố vụ án và chuyển hồ sơ, tang vật đến Cơ quan An Nh điều tra – Công an tỉnh Tây Nh thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Kết quả điều tra xác định: vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 18-3-2021, Lê Văn R được người phụ nữ tên Đam (không rõ họ tên, địa C) điện thoại thuê R đón, đưa Hồ Thị B và Hồ Thị Quỳnh A1 xuất cảnh trái phép sang Campuchia với tiền công là 500.000 đồng/01 người và thỏa thuận sau khi đưa được người sang Campuchia sẽ giao nhận tiền tại đường vành đai biên giới thì R đồng ý. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, R điều khiển xe mô tô hiệu Wave, màu xA1 Đ, biển kiểm soát 70K9-5079 đến nhà nghỉ Lê Huy (thuộc ấp Bình Quới, xã Phước Bình, thị xã Trảng B, tỉnh Tây Nh) đón B và Quỳnh A1 đến chòi ruộng gần biên giới của ông Lê Văn T (là cha ruột của R) thuộc ấp Phước H, xã Phước C, thị xã Trảng B để đến khi trời tối sẽ đưa B và Quỳnh A1 xuất cảnh trái phép sang Campuchia bằng đường tiểu ngạch qua khu vực cột mốc 176/2 do Đồn Biên phòng Phước C quản lý. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Đồn Biên phòng Phước C thuộc Bộ C huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Nh phối hợp Công an thị xã Trảng B tuần tra, kiểm soát phát hiện và tiến hành lập biên bản.

Tại Cơ quan An Nh điều tra – Công an tỉnh Tây Nh, R thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai nhận trước đó đã 02 lần tổ chức đưa 02 người Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Campuchia với tiền công là 500.000 đồng/người.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 81/2021/HS-ST ngày 24-12-2021 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng B, tỉnh Tây Nh đã xử:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm l khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn R (Đ) 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Căn cứ vào các điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

2.1. Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số IMEI: 350618543547603, có gắn sim số 0925467569.

2.2. Trả lại tài sản không liên quan đến việc thực hiện tội phạm cho bị cáo và chủ sở hữu, cụ thể:

- Trả cho bị cáo R số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng, tiền Việt Nam.

- Trả cho A1 Lê Văn L: 01 xe mô tô hiệu Wave màu xA1, biển kiểm soát 70K9-5079, số khung TDCH094TT011425, số máy JL1P52FMH011425 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0143466, biển kiểm soát 70K9-5079, số khung TDCH094TT011425, số máy JL1P52FMH011425.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về các biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022 bị cáo Lê Văn R có đơn kháng cáo với lý do bị cáo là lao động chính trong gia đình, ông bà nội bị cáo có công với cách mạng nH chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: bị cáo đã thực hiện hành vi tổ chức cho 02 người xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo nH không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo không trA1 luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA1 tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm. Các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm là hợp pháp.

[2] Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn R làm trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

[3.1] Về tội dA1: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Văn R thừa nhận, khoảng 11 giờ 30 phút ngày 18-3-2021, có một người phụ nữ tên Đam (không rõ họ tên địa C) điện thoại thuê bị cáo đón và đưa 02 người phụ nữ từ Việt Nam xuất cảnh sang Campuchia với tiền công là 500.000 đồng/người; bị cáo đồng ý. Đến 16 giờ 30 cùng ngày bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 70K9-5079 đến nhà nghỉ Lê Huy thuộc ấp Bình Quới, xã Phước Bình, thị xã Trảng B chở Hồ Thị B và Hồ Thị Quỳnh A1 đến chòi

ruộng của ông Lê Văn T (cha của bị cáo) gần biên giới để chờ đến khi trời tối sẽ đưa qua Campuchia bằng đường tiểu ngạch tại khu vực cột mốc 176/2. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày bị lực lượng Bộ đội biên phòng Phước C phối hợp với Công an thị xã Trảng B bắt giữ. Như vậy, bị cáo đã thực hiện hành vi là tổ chức cho Hồ Thị B và Hồ Thị Quỳnh A1 xuất cảnh trái phép sang Campuchia nhằm mục đích để hưởng tiền công. Tòa án nhân dân thị xã Trảng B kết luận bị cáo Lê Văn R phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3.2] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo biết việc tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép sang Campuchia là vi phạm pháp luật NH vẫn thực hiện vì mục đích tự lợi cho cá nhân; xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính nhà nước trong lĩnh vực xuất cảnh, gây mất trật tự trị an tại khu vực biên giới nên cần xử lý nghiêm.

[3.3] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến an NH, trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới; bị cáo lợi dụng tình hình dịch bệnh Covid – 19 để thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm l khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Căn cứ vào các tình tiết nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Sau khi xử sơ thẩm bị cáo xuất trình thêm tình tiết mới là ông, bà nội của bị cáo có công với cách mạng. Tuy nhiên mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội gây ra, không nặng. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Văn R (Đ).

3. Giữ nguyên Bản án Hình sự sơ thẩm số: 81/2021/HS-ST ngày 24-12-2021 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng B, tỉnh Tây Nh.

3.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm l khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

3.2. Xử phạt bị cáo Lê Văn R (Đ) 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

4. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Văn R (Đ) phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 (TANDTC);
- TANDCC tại TP HCM;
- VKSNDCC tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tây Nh;
- CQTHA hình sự thị xã Trảng B;
- CQĐT Công an thị xã Trảng B;
- TAND thị xã Trảng B;
- Chi cục THADS thị xã Trảng B;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh Tây Nh;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Tây Nh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tùng

